THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 375/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt Đề án tổ chức lại sản xuất trong khai thác hải sản

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tổ chức lại sản xuất trong khai thác hải sản với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Đến năm 2020, cơ bản hoàn thành việc tổ chức lại sản xuất trong khai thác hải sản phù hợp với từng nhóm nghề, từng ngư trường, nhằm nâng cao hiệu quả và thu nhập của ngư dân, đồng thời hướng đến phát triển thành ngành công nghiệp khai thác hải sản hiệu quả và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn từ 2013 - 2015:

- Khoảng 25 - 30% tàu cá khai thác hải sản trên các vùng biển hoạt động theo các mô hình liên kết. Trong đó, 65 - 70% tàu cá hoạt động ở vùng khơi được tổ chức sản xuất theo mô hình có tàu dịch vụ hậu cần nghề cá trên ngư trường.

- Giảm số tàu làm nghề lưới kéo xuống dưới 15% tổng số tàu cá khai thác hải sản.

- Giám sát, quản lý được khoảng 80% tàu cá hoạt động trên các vùng biển; quan sát hành trình hoạt động trên biển đối với khoảng 30% tàu cá khai thác hải sản ở vùng khơi.

- 100% tàu cá khai thác hải sản được cung cấp bản tin dự báo ngư trường hạn dài (30 ngày/bản tin).

- Giảm tổn thất sau thu hoạch xuống dưới 15%. Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc từ khai thác, bảo quản, đến chế biến và tiêu thụ đối với tàu khai thác cá ngừ.

- Giảm số vụ tàu cá bị thiệt hại do thiên tai, rủi ro trên biển xuống dưới 50% so với năm 2011.

b) Giai đoạn từ 2016 - 2020:

- Khoảng 40% tàu cá khai thác hải sản trên biển hoạt động theo các mô hình liên kết. Trong đó, 90 - 100% tàu cá hoạt động ở vùng khơi tổ chức sản xuất theo mô hình có tàu dịch vụ hậu cần nghề cá trên ngư trường.

- Quan sát hành trình hoạt động trên biển đối với 100% tàu cá khai thác hải sản ở vùng khơi.

- 100% tàu cá khai thác hải sản vùng khơi được cung cấp bản tin dự báo ngư trường hạn ngắn (07 - 15 ngày/bản tin).

- Giảm tổn thất sau thu hoạch xuống dưới 10%. Mở rộng việc áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc từ khai thác, bảo quản, đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm đối với các tàu khai thác một số đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế khác.

- Giảm số vụ tàu cá bị thiệt hại do thiên tai, rủi ro trên biển xuống dưới 75% so với năm 2011.

II. NHIỆM VỤ

1. Tổ chức lại sản xuất trên vùng biển ven bờ và vùng lộng:

a) Tổ chức, sắp xếp lại tàu thuyền khai thác hải sản vùng biển ven bờ và vùng lộng theo quy hoạch của ngành và của từng địa phương. Xây dựng, phát triển các mô hình liên kết, liên doanh, gắn kết các khâu trong quá trình sản xuất, từ khai thác, bảo quản đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, phù hợp với từng nghề, từng địa phương. Củng cố và phát triển các làng nghề ngư nghiệp truyền thống, gắn với xây dựng nông thôn mới ở vùng ven biển.

b) Đẩy mạnh phân cấp quản lý tàu cá khai thác vùng biển ven bờ và vùng lộng cho các địa phương, nhằm giảm cường lực khai thác hải sản, phù hợp với khả năng nguồn lợi cho phép khai thác, bảo vệ nguồn lợi hải sản ở vùng biển ven bờ và vùng lộng.

c) Phát triển mô hình tổ chức đồng quản lý nghề cá vùng biển ven bờ; xây dựng các mô hình chuyển đổi nghề, tạo sinh kế thay thế cho các nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường, nhất là vùng ven biển, nhằm từng

bước tạo việc làm ổn định, nâng cao mức sống ngư dân và bảo vệ môi trường sinh thái vùng ven biển.

2. Tổ chức lại sản xuất trên vùng biển khơi:

a) Trên cơ sở số liệu điều tra nguồn lợi hải sản ở vùng khơi, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển tàu cá; xác định số lượng tàu cá khai thác tối đa trên từng vùng biển, theo nhóm nghề, đối tượng khai thác.

b) Tổ chức lại công tác quản lý khai thác hải sản vùng khơi theo hạn ngạch, phân bổ số lượng giấy phép khai thác theo nghề, phù hợp với khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi đối với từng vùng biển.

c) Xây dựng và nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất hợp tác xã, tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển; mô hình liên kết giữa ngư dân với các tổ chức, doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ hải sản...

d) Từng bước triển khai chương trình hiện đại hóa tàu cá, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả. Trước mắt, thí điểm hiện đại hóa đội tàu câu cá ngừ, sau đó rút kinh nghiệm và nhân rộng.

đ) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và chỉ đạo, điều hành khai thác hải sản, trước mắt ở vùng khơi.

3. Tổ chức lại dịch vụ, hậu cần phục vụ khai thác hải sản:

a) Tổ chức lại dịch vụ hậu cần trên bờ, nhất là khâu thu mua, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo hướng: phát triển các Hợp tác xã, tổ hợp tác kinh doanh thủy sản và dịch vụ hậu cần, tạo mối liên kết chia sẻ lợi ích giữa ngư dân khai thác với tổ chức, doanh nghiệp thu mua, cung cấp dịch vụ tại cảng cá, bến cá, bảo đảm tiêu thụ sản phẩm ổn định, nâng cao giá trị của sản phẩm và nâng cao lợi nhuận cho ngư dân khai thác. Tiếp tục xây dựng và phát triển các mô hình liên kết giữa tàu, nhóm tàu khai thác kết hợp với tàu dịch vụ hậu cần trên biển.

b) Quy hoạch chi tiết và từng bước xây dựng, hình thành 5 Trung tâm nghề cá lớn tại: Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiên Giang, tạo sức hút các địa phương lân cận phát triển sản xuất, đồng thời từng bước xây dựng thương hiệu cho sản phẩm thủy sản, trước hết là các sản phẩm chủ lực của từng vùng, từng địa phương.

c) Nâng cấp, hoàn thiện các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo quy hoạch, bảo đảm đồng bộ và từng bước hiện đại. Đồng thời, xây dựng và áp dụng mô hình quản lý bằng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

d) Từng bước áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm từ khai thác, bảo quản, đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nhằm nâng cao chất

lượng sản phẩm khai thác, bảo đảm các quy định về an toàn thực phẩm và phù hợp các cam kết quốc tế về khai thác hải sản. Trước mắt, áp dụng quản lý theo chuỗi giá trị sản phẩm, kết hợp với hiện đại hóa các tàu khai thác cá ngừ ở các tỉnh Nam Trung Bộ. Phát triển, nhân rộng các mô hình bảo quản sản phẩm khai thác hải sản tiến tiến như: bảo quản bằng nước biển lạnh tuần hoàn, bọt xốp Polyurethane (PU), lót hầm tàu cá bằng inox thay cho hầm gỗ trước đây...

đ) Củng cố, phát triển các cơ sở đóng, sửa tàu cá, sản xuất ngư cụ, trang thiết bị máy móc khai thác trên tàu cá... tại các trung tâm nghề cá, cảng cá, bến cá của mỗi địa phương, từng bước cung cấp các trang thiết bị trên tàu cá được sản xuất trong nước, đồng thời thu hút lao động có việc làm.

III. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Dự án hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển giai đoạn II

a) Mục tiêu: Hoàn thiện hệ thống thông tin giám sát nghề cá.

b) Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân các tỉnh ven biển.

d) Thời gian thực hiện: 2013 - 2015.

2. Dự án xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực khai thác hải sản

a) Mục tiêu: Làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch và hoạch định chính sách; quản lý, kiểm soát cường lực, phân bố lại lực lượng khai thác hải sản trên các vùng biển.

b) Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân các tỉnh ven biển.

d) Thời gian thực hiện: 2013 - 2015.

3. Dự án nâng cao năng lực dự báo ngư trường và xây dựng bản đồ ngư trường khai thác hải sản

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực dự báo ngư trường và xây dựng bản đồ ngư trường khai thác hải sản cho cơ quan nghiên cứu và quản lý.

b) Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Cơ quan phối hợp : Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh ven biển.

d) Thời gian thực hiện: 2013 - 2020.

4. Thí điểm xây dựng mô hình chuyển đổi đối với một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái.

a) Mục tiêu: Chuyển 3.500 tàu lưới kéo hoạt động vùng ven bờ và vùng lộng sang làm các nghề dịch vụ, du lịch, các nghề khai thác thân thiện với môi trường.

b) Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Cơ quan phối hợp thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh ven biển.

d) Thời gian thực hiện: 2013 - 2020.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Điều tra nguồn lợi hải sản, dự báo ngư trường:

a) Thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi hải sản, thu thập thông tin dữ liệu nghề cá hàng năm, xây dựng bản đồ ngư trường khai thác hải sản. Giai đoạn từ 2013 - 2015, sử dụng kết quả điều tra nguồn lợi cá nổi lớn, cá nổi nhỏ, cá đáy và nhóm cá thương phẩm thuộc Đề án 47 để phục vụ công tác quy hoạch, quản lý nghề cá. Giai đoạn từ 2016 - 2020, tiếp tục điều tra thu thập số liệu nghề cá hàng năm nhằm điều đưa ra giải pháp quản lý nghề cá bền vững.

b) Thực hiện công tác dự báo ngư trường, tiến tới dự báo ngư trường hạn dài vào năm 2015 cho một số nghề khai thác hải sản vùng khơi (nghề lưới kéo, câu, rê, vây) và cho một số nhóm loài kinh tế khác (cá ngừ, cá nục, mực, bạch tuộc) và dự báo hạn ngắn vào năm 2020.

c) Trên cơ sở kết quả điều tra nguồn lợi, tính toán sản lượng nguồn lợi cho phép khai thác ở từng vùng biển làm cơ sở để xác định cơ cấu tàu thuyền cho từng nhóm nghề, từng bước giảm và ổn định số tàu và quản lý khai thác bằng giấy phép.

2. Về cơ chế, chính sách:

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách liên quan đến khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản nhằm phát triển khai thác hiệu quả, an toàn và bền vững.

b) Tiếp tục nghiên cứu xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ phát triển tổ đội sản xuất trên biển, hợp tác xã và các mô hình liên kết sản xuất trong khai thác hải sản xa bờ gắn kết với hậu cần dịch vụ trên biển; hỗ trợ rủi ro cho ngư dân khi tham gia sản xuất trên biển.

c) Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển đồng quản lý nghề cá ven bờ; chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển từ các nghề khai thác hủy diệt nguồn lợi, không thân thiện với môi trường, sang các nghề thân thiện với môi trường, nuôi trồng, dịch vụ và phi nông nghiệp, nhằm bảo vệ nguồn lợi, bảo vệ môi trường sinh thái vùng ven biển.

d) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đóng tàu vỏ sắt thay thế tàu vỏ gỗ và thay máy tàu mới; phát triển cơ sở đóng tàu, sản xuất ngư lưới cụ, máy móc khai thác,... nhằm từng bước hiện đại hóa tàu cá, phát triển sản xuất vùng biển xa bờ.

3. Về cơ chế tài chính và huy động vốn:

Vốn thực hiện đề án được huy động từ nhiều nguồn: ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn của các doanh nghiệp, của các hộ gia đình và cá nhân.

Trong đó:

a) Ngân sách nhà nước thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện các dự án thuộc Đề án 47; chương trình đầu tư xây dựng cảng cá, khu neo đậu tránh bão cho tàu cá theo quy hoạch.

- Đầu tư cho các dự án hình thành và phát triển các trung tâm nghề cá lớn theo quy hoạch.

- Hỗ trợ cho các địa phương đầu tư cho các dự án xây dựng các công trình, cơ sở kỹ thuật thiết yếu phục vụ khai thác hải sản và dịch vụ hầu cần; các dự án hỗ trợ ngư dân đóng mới tàu cá, phát triển mô hình liên kết sản xuất gắn với hậu cần dịch vụ trên biển; phát triển mô hình chuyển đổi nghề khai thác ven bờ sang các nghề khác.

b) Vốn của các thành phần kinh tế: Huy động vốn của các doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân đầu tư phát triển sản xuất: đóng mới và nâng cấp tàu dịch vụ hậu cần, tàu khai thác, thay thế tàu nhỏ, cũ; cơ khí sửa chữa tàu cá, sản xuất trang thiết bị trên tàu...theo hướng công nghiệp, hiện đại. Phát triển hình thức nhà nước và doanh nghiệp cùng đầu tư để phát triển sản xuất và dịch vụ hiệu quả.

c) Lồng ghép các dự án của Đề án với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, dự án khác trên cùng địa bàn của mỗi địa phương để nâng cao hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, tham gia bảo vệ chủ quyền trên biển.

d) Huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước, đồng thời vận động sự hỗ trợ từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA) để phát triển sản xuất, đặc biệt là hình thành các trung tâm nghề cá lớn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc Bộ và phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án;

b) Chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương ven biển thực hiện các nhiệm vụ đề án theo phân công;

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá về tình hình thực hiện kết quả thực hiện đề án rút kinh nghiệm và đề xuất phương hướng, giải pháp.

2. Các Bộ, ngành liên quan:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, bố trí nguồn vốn, bảo đảm kinh phí để triển khai thực hiện đề án đúng tiến độ và có hiệu quả.

b) Các Bộ, ngành liên quan khác phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc triển khai thực hiện đề án này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án theo phân công; dành phần vốn cùng với nguồn vốn của Trung ương để thực hiện đề án.

b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Quyết định này tại địa phương. Hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Quyết định này gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng